

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ

PHỤ LỤC

DANH SÁCH KẾT QUẢ PHÚC KHẢO VÒNG 2

KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH GIA LAI NĂM 2025

| STT | SBD  | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu thường trú       | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ | Đối tượng ưu tiên      | Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1 | Vị trí tuyển dụng                  | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành | Ghi chú |
|-----|------|-----------------------|-----------|------------|--------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 1   | 1396 | Mai Văn Khải          | Nam       | 27/6/2003  | Đức Cơ, Gia Lai          | Cao đẳng công nghệ thông tin (CKC.A.0010102)      | Không                  | Trung tâm y tế Đak Pơ         | Cao đẳng ngành công nghệ thông tin | Công nghệ thông tin hạng IV    | V.11.06.15                           | 57.5                                              |         |
| 2   | 0099 | Nguyễn Huy Hoàng      | Nam       | 08/12/1998 | Bồng Sơn, Gia Lai        | Cao đẳng Dược (B1036724)                          | Không                  | Trung tâm y tế Phù Mỹ         | Cao đẳng Dược                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | 42.5                                              |         |
| 3   | 0256 | Lê Thị Diễm Quỳnh     | Nữ        | 20/01/2002 | Kbang, tỉnh Gia Lai      | Cao đẳng Dược PTNA0238                            | Không                  | Trạm Y tế xã Tơ Tung          | Cao đẳng Dược                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | 46.5                                              |         |
| 4   | 0105 | Phạm Lê Huê           | Nữ        | 26/06/1999 | Phù Cát, Gia Lai         | Đại học Dược (PH02129)                            | Không                  | Trạm Y tế xã Hội Sơn          | Cao đẳng Dược                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | 45.5                                              |         |
| 5   | 0308 | Nguyễn Thị Kim Thương | Nữ        | 28/01/2000 | Tây Sơn, Gia Lai         | Cao đẳng ngành dược (YDA00227)                    | Không                  | Trạm Y tế xã Bình An          | Cao đẳng Dược                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | 33.0                                              |         |
| 6   | 0243 | Nguyễn Thị Phương     | Nữ        | 10/6/1991  | Chư Prông, tỉnh Gia Lai  | Cao đẳng Dược 20AS1610                            | Không                  | Trạm Y tế xã Ia Bông          | Cao đẳng Dược                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | 47.0                                              |         |
| 7   | 0329 | Nguyễn Thị Tịnh       | Nữ        | 26/3/1989  | Phú Thiện, tỉnh Gia lai  | Cao đẳng Dược A000442                             | Không                  | Trạm Y tế xã Phú Thiện        | Cao đẳng Dược                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | 54.0                                              |         |
| 8   | 0192 | Nguyễn Thị Mỹ Ngọc    | Nữ        | 04/8/1994  | Ngô Mây, tỉnh Gia Lai    | Cao đẳng Dược A182888                             | Không                  | Trạm Y tế xã Kdang            | Cao đẳng Dược                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | 47.0                                              |         |
| 9   | 0286 | Trần Thị Thu Thảo     | Nữ        | 17/5/1995  | Phù Mỹ Đông, Gia Lai     | Cao đẳng ngành dược (B688633)                     | Không                  | Trung tâm y tế Phù Mỹ         | Cao đẳng Dược                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | 47.0                                              |         |
| 10  | 0130 | Lữ Thị Lan            | Nữ        | 12/12/1994 | Ia Grai, tỉnh Gia Lai    | Cao đẳng Dược YDC00183                            | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Grai cơ sở 2  | Cao đẳng Dược                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | 37.0                                              |         |
| 11  | 0178 | Đỗ Thái Ngân          | Nữ        | 22/9/1990  | Chư A Thai, tỉnh Gia Lai | Cao đẳng Dược A181217                             | Không                  | Trạm Y tế xã Phú Thiện        | Cao đẳng Dược                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | 44.0                                              |         |

| STT | SBD  | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu thường trú     | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ | Đối tượng ưu tiên      | Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1 | Vị trí tuyển dụng                                  | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành | Ghi chú |
|-----|------|------------------------|-----------|------------|------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 12  | 0207 | Nguyễn Lê Uyên Nhi     | Nữ        | 10/02/2001 | Phú Túc, tỉnh Gia Lai  | Được sĩ đại học 7302571                           | Không                  | Trạm Y tế xã Phú Túc cơ sở 3  | Cao đẳng Dược                                      | Dược hạng IV                   | V.08.08.23                           | 45.5                                              |         |
| 13  | 1053 | Bùi Thị Nguyệt Trúc    | Nữ        | 21/02/1997 | Tuy Phước, Gia Lai     | Cao đẳng Điều dưỡng (B1025698)                    | Không                  | Trung tâm y tế Quy Nhơn       | Cao đẳng Điều dưỡng                                | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | 88.0                                              |         |
| 14  | 1102 | Huỳnh Thị Như Ý        | Nữ        | 15/6/2001  | Vĩnh Thịnh, Gia Lai    | Cao đẳng ngành điều dưỡng (C03433)                | Không                  | Trung tâm y tế Quy Nhơn       | Cao đẳng Điều dưỡng                                | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | 93.5                                              |         |
| 15  | 1015 | Phùng Thị Thanh Thương | Nữ        | 10/02/1996 | Tuy Phước Bắc, Gia Lai | Cao đẳng Điều dưỡng (B653891)                     | Không                  | Trung tâm y tế Quy Nhơn       | Cao đẳng Điều dưỡng                                | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | 89.5                                              |         |
| 16  | 0957 | Nguyễn Như Sa          | Nữ        | 20/08/2000 | Ân Hào, Gia Lai        | Đại học Điều dưỡng (7108669)                      | Không                  | Trung tâm y tế Hoài Ân        | Cao đẳng Điều dưỡng                                | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | 95.0                                              |         |
| 17  | 0999 | Võ Minh Thoa           | Nữ        | 26/12/1998 | Phù Mỹ, Gia Lai        | Cao đẳng ngành điều dưỡng (B1111021)              | Không                  | Trung tâm y tế Phù Mỹ         | Cao đẳng Điều dưỡng                                | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | 98.0                                              |         |
| 18  | 0968 | Bì Tha                 | Nữ        | 16/11/1994 | Đak Đoa, tỉnh Gia Lai  | Cao đẳng điều dưỡng (B.493601)                    | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Ia Bàng          | Cao đẳng Điều dưỡng                                | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | 63.0                                              |         |
| 19  | 0669 | Rcom Chiêu             | Nam       | 01/02/2002 | Phú Túc, tỉnh Gia Lai  | Cao đẳng điều dưỡng A001645                       | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm Y tế Krông Pa       | Cao đẳng Điều dưỡng                                | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | 72.0                                              |         |
| 20  | 1085 | Kơ Pă Vêl              | Nữ        | 16/3/1996  | Gào, tỉnh Gia Lai      | Cao đẳng Điều dưỡng B839583                       | Người dân tộc thiểu số | Trạm Y tế xã Gào cơ sở 2      | Cao đẳng Điều dưỡng                                | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | 46.0                                              |         |
| 21  | 1095 | Ksor Xiên              | Nam       | 13/12/1993 | Ia Sao, tỉnh Gia Lai   | Cao đẳng điều dưỡng A000353                       | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm y tế Ia Pa          | Cao đẳng Điều dưỡng                                | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | 52.0                                              |         |
| 22  | 0739 | Nguyễn Thị Hiền Hiệp   | Nữ        | 07/11/1993 | Đak Đoa, tỉnh Gia Lai  | Cao đẳng Điều dưỡng B65196                        | Không                  | Trạm Y tế xã Đak Đoa          | Cao đẳng Điều dưỡng                                | Điều dưỡng hạng IV             | V.08.05.13                           | 95.5                                              |         |
| 23  | 1265 | Nguyễn Phạm Duy        | Nam       | 12/6/1993  | Pleiku, tỉnh Gia Lai   | Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (004159)         | Không                  | Bệnh viện 331                 | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật hình ảnh y học   | Kỹ thuật y hạng IV             | V.08.07.19                           | 86.0                                              |         |
| 24  | 1256 | Võ Thị Kim Thuý        | Nữ        | 25/6/1992  | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai  | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (A000757)      | Không                  | Trung tâm y tế Phù Cát        | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV             | V.08.07.19                           | 96.0                                              |         |
| 25  | 1240 | Nguyễn Thị Nghiệp      | Nữ        | 27/9/1994  | Tam Quan, Gia Lai      | Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm (A000748)            | Không                  | Trung tâm y tế An Nhơn        | Cao đẳng kỹ thuật y học: Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y hạng IV             | V.08.07.19                           | 99.5                                              |         |

| STT | SBD  | Họ và tên          | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu thường trú      | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ | Đối tượng ưu tiên      | Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1     | Vị trí tuyển dụng        | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành | Ghi chú |
|-----|------|--------------------|-----------|------------|-------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 26  | 0489 | Lê Thị Bích Hồng   | Nữ        | 06/02/1995 | Tuy Phước, Gia Lai      | Đại học ngành điều dưỡng đa khoa (1537997)        | Không                  | Trung tâm y tế An Nhơn            | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 12.5                                              |         |
| 27  | 0529 | Hving H Lúc        | Nữ        | 12/12/2003 | Suối Trai, Đăk Lăk      | Cử nhân điều dưỡng (A0005213)                     | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm Y tế Krông Pa           | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 41.5                                              |         |
| 28  | 0518 | Kpă H' Mai Lan     | Nữ        | 01/8/1998  | Phủ Thiện, tỉnh Gia Lai | Cử nhân điều dưỡng A0000358                       | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm y tế Ayun Pa            | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 40.5                                              |         |
| 29  | 0520 | Phan Thị Hồng Lệ   | Nữ        | 02/3/1991  | Ayun Pa, tỉnh Gia Lai   | Cử nhân Điều dưỡng TDU.1000826                    | Không                  | Trung tâm y tế Ayun Pa            | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 38.5                                              |         |
| 30  | 0481 | Trần Thị Hoa       | Nữ        | 12/10/1997 | Hội Phú, tỉnh Gia Lai   | Cử nhân Điều dưỡng 1631363                        | Không                  | Trung tâm y tế Đăk Đoa            | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 26.0                                              |         |
| 31  | 0642 | Đinh Thị Hải Yến   | Nữ        | 29/12/1998 | Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai   | Cử nhân Điều dưỡng A0000510                       | Không                  | Trung tâm y tế Đăk Đoa            | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 37.0                                              |         |
| 32  | 0545 | Rơ Lan H' Nguyên   | Nữ        | 05/7/2002  | Ia Ko, tỉnh Gia Lai     | Cử nhân Điều dưỡng 100124                         | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm y tế Chư Sê             | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 38.5                                              |         |
| 33  | 0505 | Đàm Thị Minh Hương | Nữ        | 22/01/2003 | Ia Pia, tỉnh Gia Lai    | Đại học Điều dưỡng 100122                         | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm y tế Chư Sê             | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 43.0                                              |         |
| 34  | 0490 | Mai Thị Hồng       | Nữ        | 26/10/1996 | Kbang, tỉnh Gia Lai     | Cử nhân Điều dưỡng DND.6.0113512                  | Không                  | Trạm Y tế xã KBang                | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 28.0                                              |         |
| 35  | 0429 | Siu H' Cháo        | Nữ        | 23/7/2002  | Phủ Thiện, tỉnh Gia Lai | Đại học Điều dưỡng DHH.6.C.0005543                | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm y tế Ayun Pa            | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 44.5                                              |         |
| 36  | 0511 | Nguyễn Thị Huyền   | Nữ        | 28/10/1995 | Pleiku, tỉnh Gia Lai    | Cử nhân Điều dưỡng 1525601                        | Không                  | Trung tâm Y tế Phú Thiện          | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 40.0                                              |         |
| 37  | 0516 | Ksor H' Kin        | Nữ        | 06/02/1997 | Ia Tul, tỉnh Gia Lai    | Cử nhân Điều dưỡng 001843                         | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm y tế Ayun Pa            | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 43.0                                              |         |
| 38  | 0548 | Trần Thị Nhân      | Nữ        | 12/5/1991  | Pleiku, tỉnh Gia Lai    | Cử nhân Điều dưỡng TDU.1000888                    | Không                  | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Pleiku | Đại học ngành Điều dưỡng | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 43.5                                              |         |

| STT | SBD  | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu thường trú       | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ   | Đối tượng ưu tiên      | Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1  | Vị trí tuyển dụng                                                                  | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành | Ghi chú |
|-----|------|-----------------------|-----------|------------|--------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 39  | 0471 | Rah Lan H'Koi         | Nữ        | 11/02/2003 | Ia Tul, tỉnh Gia Lai     | Cử nhân Điều dưỡng số hiệu: A0005256                | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm y tế Ayun Pa         | Đại học ngành Điều dưỡng                                                           | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 28.0                                              |         |
| 40  | 0611 | Lã Thị Thúy Thương    | Nữ        | 22/9/1985  | Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | Đại học điều dưỡng Gây mê hồi sức số hiệu: E0044741 | Không                  | Bệnh viện 331                  | Đại học ngành Điều dưỡng                                                           | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 39.0                                              |         |
| 41  | 0554 | Ra Lan H' Nhoät       | Nữ        | 08/5/2000  | Phú Thiện, tỉnh Gia Lai  | Đại học Điều dưỡng DND.6.0150020                    | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm Y tế Phú Thiện       | Đại học ngành Điều dưỡng                                                           | Điều dưỡng hạng III            | V.08.05.12                           | 44.5                                              |         |
| 42  | 1439 | Trần Thị Huyền        | Nữ        | 05/6/1989  | Thống Nhất, tỉnh Gia Lai | Cử nhân Kế toán 0044515                             | Không                  | Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku | Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính | Kế toán viên (hạng III)        | V.06.031                             | 41.0                                              |         |
| 43  | 1531 | Bùi Thị Ngọc Hà       | Nữ        | 05/5/1995  | Phú Nhuận, Hồ Chí Minh   | Đại học Y tế công cộng (1576996)                    | Không                  | Trung tâm y tế An Nhơn         | Đại học ngành Y tế công cộng                                                       | Y tế công cộng hạng III        | V.08.04.10                           | 58.0                                              |         |
| 44  | 1530 | Phan Hoàng Thùy Dung  | Nữ        | 26/02/1995 | Kbang, tỉnh Gia Lai      | Cử nhân Y tế công cộng E0119822                     | Không                  | Trạm Y tế xã KBang             | Đại học ngành Y tế công cộng                                                       | Y tế công cộng hạng III        | V.08.04.10                           | 23.0                                              |         |
| 45  | 1533 | Sôn Ny Ka             | Nam       | 27/5/2000  | Ia Băng, tỉnh Gia Lai    | Cử nhân Y tế công cộng 001528                       | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm y tế Đak Đoa         | Đại học ngành Y tế công cộng                                                       | Y tế công cộng hạng III        | V.08.04.10                           | 13.5                                              |         |
| 46  | 1540 | Nguyễn Thị Thùy Trang | Nữ        | 24/01/2001 | Mang Yang, tỉnh Gia Lai  | Cử nhân Y tế công cộng PC02372                      | Không                  | Trung tâm y tế Mang Yang       | Đại học ngành Y tế công cộng                                                       | Y tế công cộng hạng III        | V.08.04.10                           | 15.0                                              |         |
| 47  | 1214 | Hoàng Lê Kim Ngân     | Nữ        | 15/09/2001 | An Khê, Gia Lai          | Đại học Kỹ thuật phục hồi chức năng (YDS.CN)        | Không                  | Trung tâm y tế Quy Nhơn        | Đại học kỹ thuật y học: Kỹ thuật Phục hồi chức năng                                | Kỹ thuật y hạng III            | V.08.07.18                           | 35.0                                              |         |
| 48  | 1380 | Hoàng Xuân Thắng      | Nam       | 25/8/1998  | Kbang, tỉnh Gia Lai      | Đại học Công nghệ thông tin TDKS.108                | Không                  | Trung tâm Y tế Kbang           | Đại học ngành Công nghệ thông tin                                                  | Công nghệ thông tin hạng III   | V.11.06.14                           | 35.0                                              |         |
| 49  | 1352 | Vũ Văn Duy            | Nam       | 24/7/2002  | Suối Trai, tỉnh Đak Lak  | Đại học Công nghệ thông tin PTA.0002851             | Không                  | Trung tâm Y tế Krông Pa        | Đại học ngành Công nghệ thông tin                                                  | Công nghệ thông tin hạng III   | V.11.06.14                           | 44.0                                              |         |

| STT | SBD  | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu thường trú      | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ | Đối tượng ưu tiên | Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1                            | Vị trí tuyển dụng                                                                                                                                                                                      | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành | Ghi chú |
|-----|------|----------------------|-----------|------------|-------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 50  | 1306 | Lê Thị Phương        | Nữ        | 16/9/1983  | An Khê, tỉnh Gia Lai    | Cử nhân Kế toán 702479                            | Không             | Trung tâm y tế Đak Pơ                                    | Đại học ngành hoặc chuyên ngành văn thư-lưu trữ, lưu trữ học, lưu trữ học và quản trị văn phòng. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư | Văn thư viên                   | 02.007                               | 46.0                                              |         |
| 51  | 1316 | Trần Thị Hà          | Nữ        | 24/3/1983  | Chư Prông, tỉnh Gia Lai | Cử nhân Luật E0006173                             | Con thương binh   | Trung tâm y tế Chư Prông                                 | Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư – lưu trữ, lưu trữ                                                                                                  | Văn thư viên trung cấp         | 02.008                               | 90.0                                              |         |
| 52  | 1320 | Phạm Thị Hiệp        | Nữ        | 07/5/1989  | Sơn Hoà, Đắk Lắk        | Cao đẳng quản trị văn phòng (A118531)             | Không             | Trung tâm Y tế Krông Pa                                  | Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: văn thư hành chính, văn thư – lưu trữ, lưu trữ                                                                                                  | Văn thư viên trung cấp         | 02.008                               | 61.0                                              |         |
| 53  | 1785 | Nguyễn Lê Thanh      | Nữ        | 12/01/1992 | Sró, Gia Lai            | Cử nhân Luật Kinh tế (1835298)                    | Không             | Trung tâm Y tế Kông Chro                                 | Chuyên viên                                                                                                                                                                                            | Chuyên viên                    | 01.003                               | 46.0                                              |         |
| 54  | 1800 | Mai Thị Ý Thom       | Nữ        | 07/6/1993  | Ia Pa, tỉnh Gia Lai     | Cử nhân Luật E0100011                             | Không             | Trung tâm y tế Ia Pa                                     | Chuyên viên                                                                                                                                                                                            | Chuyên viên                    | 01.003                               | 78.0                                              |         |
| 55  | 1766 | Nguyễn Thị Yến Phụng | Nữ        | 27/01/1999 | An Hoà, Gia Lai         | Đại học luật (E0010887)                           | Không             | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Chuyên viên                                                                                                                                                                                            | Chuyên viên                    | 01.003                               | 89.0                                              |         |
| 56  | 1742 | Phạm Thanh Nguyên    | Nam       | 20/04/2002 | Kbang, Gia Lai          | Cử nhân Luật (QNU A/0004087)                      | Không             | Trung tâm Y tế Kbang                                     | Chuyên viên                                                                                                                                                                                            | Chuyên viên                    | 01.003                               | 79.0                                              |         |
| 57  | 1754 | Đặng Trần Khánh Như  | Nữ        | 06/9/2002  | Vĩnh Thạnh, Gia Lai     | Đại học luật (UL.B.0012451)                       | Không             | Trung tâm y tế Vĩnh Thạnh                                | Chuyên viên                                                                                                                                                                                            | Chuyên viên                    | 01.003                               | 53.0                                              |         |
| 58  | 1617 | Nguyễn Bảo Hân       | Nữ        | 14/03/2003 | Quy Nhơn Bắc, Gia Lai   | Cử nhân Luật (QNUA/0004104)                       | Không             | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng Quy Nhơn | Chuyên viên                                                                                                                                                                                            | Chuyên viên                    | 01.003                               | 90.0                                              |         |

| STT | SBD  | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Hộ khẩu thường trú      | Trình độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ | Đối tượng ưu tiên      | Đơn vị dự tuyển nguyện vọng 1                                | Vị trí tuyển dụng                                                                      | Chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Mã số chức danh nghề nghiệp dự tuyển | Kết quả phúc khảo điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành | Ghi chú |
|-----|------|----------------------|-----------|------------|-------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------|---------|
| 59  | 1612 | Trần Thị Thu Hà      | Nữ        | 30/4/1996  | Ia Krêl, tỉnh Gia Lai   | Cử nhân Luật 1748657                              | Không                  | Trung tâm y tế Đức Cơ                                        | Chuyên viên                                                                            | Chuyên viên                    | 01.003                               | 46.0                                              |         |
| 60  | 1636 | Trần Thị Thu Hiền    | Nữ        | 30/9/2000  | Quy Nhơn Nam, Gia Lai   | Cử nhân luật kinh tế (E0018784)                   | Không                  | Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai | Chuyên viên                                                                            | Chuyên viên                    | 01.003                               | 78.0                                              |         |
| 61  | 1648 | Phạm Thị Hoài        | Nữ        | 10/02/1997 | Kbang, tỉnh Gia Lai     | Đại học Quản lý nhà nước về đô thị 000183         | Không                  | Trung tâm Y tế Kbang                                         | Chuyên viên                                                                            | Chuyên viên                    | 01.003                               | 78.0                                              |         |
| 62  | 1606 | Nguyễn Thị Hải Đường | Nữ        | 08/11/1993 | An Bình, tỉnh Gia Lai   | Cử nhân Hành chính học 160665                     | Không                  | Trung tâm Y tế An Khê                                        | Chuyên viên                                                                            | Chuyên viên                    | 01.003                               | 80.0                                              |         |
| 63  | 1546 | Lê Thị Anh Thu       | Nữ        | 20/12/2002 | Quy Nhơn, Gia Lai       | Đại học Kỹ sư Kỹ thuật Y sinh (SPK.BE033741)      | Không                  | Bệnh viện Y dược cổ truyền và PHCN Pleiku                    | Kỹ sư (hạng III): Đại học Kỹ thuật Y sinh; Đại học ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường | Kỹ sư (hạng III)               | V.05.02.07                           | 41.0                                              |         |
| 64  | 1889 | Rmah H' Yuết         | Nữ        | 15/04/1999 | Phú Thiện, tỉnh Gia Lai | Cử nhân Công tác xã hội TDLB001745                | Người dân tộc thiểu số | Trung tâm Y tế Phú Thiện                                     | Công tác xã hội viên: Đại học ngành Công tác xã hội, xã hội học                        | Công tác xã hội viên           | V.09.04.02                           | 47.0                                              |         |

**Tổng cộng danh sách có 64 thí sinh**